COMPANY LIMITED
VAE
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

cho năm tài chính 2012

Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sông Đà
Số 165, đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494
Website: www.vae.com.vn

Chi nhánh: Số 15/4 Nguyễn Huy Tưởng
Phường 6, quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 6294 1117/6252 1818 Fax: 08. 6294 1119

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI
Địa chỉ: Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
Tel: (84-4) 3688 0086 Fax: (84-4) 3688 4284

MỤC LỤC

NỘI DUNG	**TRANG**
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Sơn Tổng hợp Hà Nội trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2012.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Sơn Tổng Hợp Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103010296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/2005. Công ty có bốn lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 20/05/2009 thì vốn điều lệ của Công ty là: **83.270.860.000 VND** *(Bằng chữ: Tám mươi ba tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).*

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu: sơn, mực in, vecny và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan đến ngành sơn, mực in, vecny và chất phủ bề mặt;
- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tư vấn, gia công, dịch vụ kỹ thuật liên quan đến ngành sơn, mực in, vecny và chất phủ bề mặt.

Địa chỉ: Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
Tel: (84-4) 3688 0086 Fax: (84-4) 3688 4284

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thiện Ái	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Cương	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Yên	Ủy viên
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thiện Ái	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Yên	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16/04/2012)
Ông Trần Thế Giang	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Nguyễn Thiện Ái
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Số : 28..-13/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính năm 2012
của Công ty CP Sơn Tổng hợp Hà Nội

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty CP Sơn Tổng hợp Hà Nội

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được lập ngày 25 tháng 01 năm 2013 của Công ty CP Sơn tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 22 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 03, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2012:

a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và

b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành năm (05) bản bằng tiếng Việt. Công ty CP Sơn Tổng hợp Hà Nội giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**123.318.707.540**	**148.981.764.257**
I Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1.**	**19.572.645.611**	**21.640.414.945**
1 Tiền	111		13.572.645.611	21.640.414.945
2 Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	**10.000.000.000**
1 Đầu tư ngắn hạn	121	V.2.	-	10.000.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**52.332.884.220**	**52.737.083.086**
1 Phải thu của khách hàng	131		44.801.891.345	44.401.625.436
2 Trả trước cho người bán	132		7.764.439.449	8.335.457.650
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	40.097.127	-
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(273.543.701)	-
IV Hàng tồn kho	**140**		**51.280.812.176**	**64.482.588.329**
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	51.280.812.176	64.482.588.329
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**132.365.533**	**121.677.897**
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.476.855	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5.	113.888.678	111.677.897
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		-	10.000.000
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	**200**		**41.648.390.129**	**15.290.191.420**
I Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II Tài sản cố định	**220**		**41.422.589.708**	**15.031.612.089**
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	24.641.632.531	12.630.604.536
- *Nguyên giá*	*222*		*75.985.682.983*	*60.093.555.938*
- *Giá trị hao mòn luỹ kế*	*223*		*(51.344.050.452)*	*(47.462.951.402)*
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	16.780.957.177	2.401.007.553
- *Nguyên giá*	*228*		*17.261.158.686*	*2.761.158.686*
- *Giá trị hao mòn luỹ kế*	*229*		*(480.201.509)*	*(360.151.133)*
III Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
V Tài sản dài hạn khác	**260**		**225.800.421**	**258.579.331**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	225.800.421	258.579.331
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**164.967.097.669**	**164.271.955.677**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**42.050.987.528**	**40.593.159.966**
I Nợ ngắn hạn	**310**		**42.050.987.528**	**39.146.448.726**
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	9.482.106.325	13.013.475.258
2 Phải trả người bán	312		7.570.813.484	2.270.064.524
3 Người mua trả tiền trước	313		54.117.547	172.142.726
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	3.991.832.913	4.484.124.771
5 Phải trả người lao động	315		12.283.502.854	10.538.307.615
6 Chi phí phải trả	316	V.11.	4.849.406.197	5.204.110.915
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12.	1.585.498.379	1.680.253.916
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.233.709.829	1.783.969.001
II Nợ dài hạn	**330**		**-**	**1.446.711.240**
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.446.711.240
B VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)	**400**		**122.916.110.141**	**123.678.795.711**
I Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.13.**	**122.916.110.141**	**123.678.795.711**
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		83.270.860.000	83.270.860.000
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	108.817.584
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		17.085.495.411	15.839.059.264
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		5.869.959.065	4.623.522.918
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.689.795.665	19.836.535.945
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**164.967.097.669**	**164.271.955.677**

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Mến	Trần Thế Giang	Nguyễn Thiện Ái

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**VI.14.**	**583.719.784.553**	**566.564.622.195**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.15.	272.645.902	-
3	**Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**	VI.16.	**583.447.138.651**	**566.564.622.195**
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.17.	514.531.545.729	495.607.852.651
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**68.915.592.922**	**70.956.769.544**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18.	1.256.003.769	1.816.203.887
7	Chi phí tài chính	22	VI.19.	989.354.116	1.627.392.868
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*989.354.116*	*1.627.392.868*
8	Chi phí bán hàng	24		5.944.535.064	6.302.112.933
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.293.932.199	31.605.170.369
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}**	**30**		**29.943.775.312**	**33.238.297.261**
11	Thu nhập khác	31		1.446.711.240	-
12	Chi phí khác	32		-	-
13	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**1.446.711.240**	**-**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**31.390.486.552**	**33.238.297.261**
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.20.	7.847.621.638	8.309.574.316
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**23.542.864.914**	**24.928.722.945**
18	***Lãi cơ bản trên cổ phiếu***	***70***	***VI.22.***	***2.827***	***2.994***

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Mến	Trần Thế Giang	Nguyễn Thiện Ái

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***31.390.486.552***	***33.238.297.261***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***				
	- Khấu hao tài sản cố định	02		4.001.149.426	4.314.012.287
	- Các khoản dự phòng	03		273.543.701	-
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(1.816.203.887)
	- Chi phí lãi vay	06		989.354.116	1.627.392.868
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***36.654.533.795***	***37.363.498.529***
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		130.655.165	(8.893.837.606)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.201.776.153	3.859.932.840
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.478.458.765	4.814.216.583
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(32.778.910)	(94.923.076)
	- Tiền lãi vay đã trả	13		(210.380.149)	(1.627.392.868)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.120.555.968)	(6.426.128.188)
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(1.254.115.117)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***48.101.708.851***	***27.741.251.097***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(30.287.841.515)	(1.881.277.553)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	(15.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	20.000.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.178.777.242	1.816.203.887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		***30***		***(23.109.064.273)***	***4.934.926.334***
III	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		33.082.009.112	55.452.161.240
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(37.392.352.013)	(51.122.047.403)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.767.166.137)	(22.139.751.070)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(27.077.509.038)***	***(17.809.636.893)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**(2.084.864.460)**	**14.866.540.538**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**21.640.414.945**	**6.936.888.410**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		17.095.126	(163.014.003)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	**70**	**V.01**	**19.572.645.611**	**21.640.414.945**

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Mến	Trần Thế Giang	Nguyễn Thiện Ái

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn Tổng Hợp Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103010296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/2005. Công ty có bốn lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 20/05/2009 thì vốn điều lệ của Công ty là: 83.270.860.000 VND (Bằng chữ: Tám mươi ba tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu: sơn, mực in, vecny và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan đến ngành sơn, mực in, vecny và chất phủ bề mặt;
- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tư vấn, gia công, dịch vụ kỹ thuật liên quan đến ngành sơn, mực in, vecny và chất phủ bề mặt.

Địa chỉ: Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
Tel: (84-4) 3688 0086 Fax: (84-4) 3688 4284

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày BCTC này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(*tiếp theo*)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:*** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- ***Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:*** Phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng.

- ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*** : Phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	**Thời gian khấu hao <năm >**
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: giá trị đền bù giải phóng mặt bằng Nhà máy lô đất 9.504 m2 và quyền sử dụng đất tại xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên có thời hạn là 35 năm.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Quyền sử dụng đất (*)	23

(*) Giá trị đền bù giải phóng mặt bằng khu đất mở rộng Nhà máy sản xuất sơn với diện tích 9.504 m2 đất. Theo hợp đồng thuê đất số 35-2002/ĐCNĐ - HĐTĐTN ngày 21/05/2002 với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội, thời gian thuê đất là 30 năm. Công ty trích khấu hao 23 năm kể từ năm 2009.

Riêng quyền sử dụng đất tại xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên có thời hạn là 35 năm công ty chưa trích khấu hao.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty các khoản tiền gửi tiết kiệm có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày cho vay.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

5.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo Hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau là các công cụ dụng cụ thuộc loại tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn, thời gian phân bổ là 2 năm kể từ khi đưa vào sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí hỗ trợ kỹ thuật, chi phí kiểm toán năm 2012, chi phí tiền điện, chi phí tiền ăn ca... thực tế chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên hợp đồng và dự toán trích trước, so sánh với chi phí phát sinh kỳ trước. Riêng chi phí hỗ trợ kỹ thuật được trích trước tương ứng với tỷ lệ doanh thu bán hàng được tạo ra từ sản phẩm hợp tác kỹ thuật giữa Công ty CP Sơn tổng hợp Hà Nội và Công ty Kawakami - Nhật Bản.

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động của Công ty sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu sơn các loại và vật tư khác… và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, vật tư khác được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - " Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Các khoản lãi trả chậm được trình bày trên khoản mục " doanh thu chưa thực hiện", được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi đến hạn thu được khoản tiền lãi này.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng được ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty chưa tiến hành đối chiếu đầy đủ số dư công nợ phải thu, phải trả tới từng đối tượng.

12.2 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT đầu ra là 0% đối với các sản phẩm bán vào khu chế suất và 10% đối với các sản phẩm tiêu thụ nội địa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.3 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	***866.487.484***	***1.029.064.244***
Tiền gửi ngân hàng	***12.706.158.127***	***20.611.350.701***
Tiền VND	10.633.108.990	15.775.094.472
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4.307.067.129	6.048.908.054
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	6.276.149.478	9.457.362.750
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.502.844	1.728.665
Ngân hàng ANZ	47.389.539	267.095.003
Tiền Ngoại tệ	2.073.049.137	4.836.256.229
Tiền USD		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	*2.061.017.624*	*4.823.965.419*
Tiền EUR		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	*12.024.827*	*12.282.903*
Tiền JPN		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	*6.686*	*7.907*
Các khoản tương đương tiền	***6.000.000.000***	-
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Công ty Tài chính CP Hóa chất Việt Nam(*)	6.000.000.000	-
Tổng cộng	**19.572.645.611**	**21.640.414.945**

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hưng Yên	-	10.000.000.000
Cộng	**-**	**10.000.000.000**

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Dư nợ TK 338		
Phải thu BHXH	40.097.127	-
Tổng cộng	**40.097.127**	**-**

4. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.261.144.344	35.992.997.129
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	671.826.604
Thành phẩm	26.019.667.832	27.817.764.596
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**51.280.812.176**	**64.482.588.329**

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các loại thuế khác	113.888.678	111.677.897
Cộng	**113.888.678**	**111.677.897**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2012	**12.137.472.904**	**35.893.022.082**	**7.714.602.649**	**4.348.458.303**	**60.093.555.938**
Mua trong năm	12.000.000.000	3.855.977.045	22.360.000	13.790.000	**15.892.127.045**
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	**24.137.472.904**	**39.748.999.127**	**7.736.962.649**	**4.362.248.303**	**75.985.682.983**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư ngày 01/01/2012	**9.958.467.567**	**28.814.221.191**	**5.728.492.620**	**2.961.770.024**	**47.462.951.402**
Khấu hao trong kỳ	482.386.262	2.371.759.213	581.521.123	445.432.452	**3.881.099.050**
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	**10.440.853.829**	**31.185.980.404**	**6.310.013.743**	**3.407.202.476**	**51.344.050.452**
Giá trị còn lại					
Số dư ngày 01/01/2012	**2.179.005.337**	**7.078.800.891**	**1.986.110.029**	**1.386.688.279**	**12.630.604.536**
Số dư ngày 31/12/2012	**13.696.619.075**	**8.563.018.723**	**1.426.948.906**	**955.045.827**	**24.641.632.531**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 44.739.641.383 VND

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2012	**2.761.158.686**	**2.761.158.686**
- Mua trong năm	14.500.000.000	**14.500.000.000**
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	**17.261.158.686**	**17.261.158.686**
Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số dư ngày 01/01/2012	**360.151.133**	**360.151.133**
- Khấu hao trong năm	120.050.376	**120.050.376**
Số dư ngày 31/12/2012	**480.201.509**	**480.201.509**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2012	**2.401.007.553**	**2.401.007.553**
Tại ngày 31/12/2012	**16.780.957.177**	**16.780.957.177**

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	225.800.421	258.579.331
Tổng cộng	**225.800.421**	**258.579.331**

9. Vay và nợ ngắn hạn

	Lãi suất (%/năm)	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn		9.482.106.325	13.013.475.258
Tiền USD			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	7,0%	*5.395.261.113*	*8.450.454.463*
Tiền VND			
Các đối tượng khác (**)	12%	*4.086.845.212*	*4.563.020.795*
Tổng cộng		**9.482.106.325**	**13.013.475.258**

(*) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng hạn mức số 120123/HĐTD.SGD>NHNT ngày tháng 04 năm 2012 ký giữa chúng tôi và Ngân hàng, hạn mức cho vay 50 tỷ đồng, lãi suất cho vay 15,5%/ năm đối với đồng Việt Nam và 7% đối với USD (Mỹ), lãi suất phải chịu từ tháng 8/2012 là 2,8%/tháng, lãi suất cho vay sẽ thay đổi theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ, lãi suất quá hạn là 130% lãi suất trong hạn, mục đích vay vốn lưu động, không có tài sản đảm bảo. Thời gian vay trong 3 tháng.

(**) Khoản vay của cán bộ công nhân viên với lãi suất là 12%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT đầu ra	861.277.384	1.156.883.806
Thuế xuất nhập khẩu	258.476.662	199.199.464
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.855.107.171	3.128.041.501
Thuế thu nhập cá nhân	16.971.696	-
Tổng cộng	**3.991.832.913**	**4.484.124.771**

11. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	4.363.632.342	4.718.119.352
Chi phí phải trả khác	485.773.855	485.991.563
Cộng	**4.849.406.197**	**5.204.110.915**

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	1.585.498.379	1.668.324.864
Bảo hiểm xã hội	-	11.929.052
Tổng cộng	**1.585.498.379**	**1.680.253.916**

13. Vốn chủ sở hữu

13.1 *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2011	**83.270.860.000**	**143.642.242**	**27.946.365.556**	**111.360.867.798**
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	24.928.722.945	**24.928.722.945**
Chia cổ tức	-	-	(22.139.751.070)	**(22.139.751.070)**
Phân phối lợi nhuận	-	-	(10.898.801.486)	**(10.898.801.486)**
Tăng khác	-	108.817.584	-	**108.817.584**
Giảm khác	-	(143.642.242)	-	**(143.642.242)**
Số dư tại ngày 31/12/2011	**83.270.860.000**	**108.817.584**	**19.836.535.945**	**103.216.213.529**
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	23.542.864.914	**23.542.864.914**
Chia cổ tức	-	-	(22.758.896.304)	**(22.758.896.304)**
Phân phối lợi nhuận	-	-	(3.739.308.442)	**(3.739.308.442)**
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	(108.817.584)	(191.400.448)	**(300.218.032)**
Số dư tại ngày 31/12/2012	**83.270.860.000**	**-**	**16.689.795.665**	**99.960.655.665**

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vốn góp của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	32.472.460.000	32.472.460.000
Vốn góp của đối tượng khác	50.798.400.000	50.798.400.000
Cộng	**83.270.860.000**	**83.270.860.000**

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	83.270.860.000	83.270.860.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	83.270.860.000	83.270.860.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**22.758.896.304**	**22.139.751.070**

13.4 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa công bố

13.5 Cổ phiếu

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.327.086	8.327.086
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.327.086	8.327.086
- Cổ phiếu phổ thông	*8.327.086*	*8.327.086*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.327.086	8.327.086
- Cổ phiếu phổ thông	*8.327.086*	*8.327.086*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

13.6 *Các quỹ của công ty*

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2012
Quỹ đầu tư phát triển	15.839.059.264	1.246.436.147	-	17.085.495.411
Quỹ dự phòng tài chính	4.623.522.918	1.246.436.147	-	5.869.959.065
Tổng cộng	**20.462.582.182**	**2.492.872.294**	-	**22.955.454.476**

(*) Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập lập trong năm bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

14. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán thành phẩm	582.903.893.609	565.910.279.552
Doanh thu bán các thành phẩm khác	815.890.944	654.342.643
Tổng cộng	**583.719.784.553**	**566.564.622.195**

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hàng bán bị trả lại	272.645.902	-
Tổng cộng	**272.645.902**	**-**

16. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	582.631.247.707	565.910.279.552
Doanh thu thuần bán các thành phẩm khác	815.890.944	654.342.643
Tổng cộng	**583.447.138.651**	**566.564.622.195**

17. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	513.873.172.225	495.078.994.098
Giá vốn của thành phẩm khác đã bán	658.373.504	528.858.553
Tổng cộng	**514.531.545.729**	**495.607.852.651**

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi	1.178.777.242	1.816.203.887
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	77.226.527	-
Tổng cộng	**1.256.003.769**	**1.816.203.887**

19. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	989.354.116	1.627.392.868
Tổng cộng	**989.354.116**	**1.627.392.868**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
(tiếp theo)

20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	586.149.853.660	568.380.826.082
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	554.759.367.108	535.142.528.821
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	31.390.486.552	33.238.297.261
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.847.621.638	8.309.574.316

21. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	479.599.422.670	472.556.844.684
Chi phí nhân công	43.385.505.555	42.308.215.190
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.001.149.426	4.314.012.287
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.995.600.809	17.377.046.498
Chi phí khác bằng tiền	11.182.995.220	4.561.537.072
Tổng cộng	**548.164.673.680**	**541.117.655.731**

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.542.864.914	24.928.722.945
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.542.864.914	24.928.722.945
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.327.086	8.327.086
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.827	2.994

VII. Những thông tin khác

1 Thông tin về các bên liên quan

1.1 *Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm*

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lương	1.387.269.600	1.490.843.980
Tiền thưởng	-	134.400.000
Cộng	**1.387.269.600**	**1.625.243.980**

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

2. *Thông tin so sánh*

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Sơn Tổng Hợp Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM).

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Mến	Trần Thế Giang	Nguyễn Thiện Ái